

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2013/NĐ-CP
ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định
về bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật An ninh quốc gia số 32/2004/QH11 được sửa đổi, bổ sung
bởi Luật số 30/2023/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ
số 42/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định
số 06/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định về bảo
vệ cơ quan, doanh nghiệp.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1

“1. Nghị định này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức,
hoạt động, chế độ, chính sách đối với lực lượng bảo vệ trực tiếp ký hợp đồng
lao động tại các cơ quan, doanh nghiệp được quy định tại các điểm a, b và c
khoản 1 Điều 2 của Nghị định này; trách nhiệm của người đứng đầu, người
được giao phụ trách trực tiếp lực lượng bảo vệ, cán bộ, công nhân viên trong
cơ quan, doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Hoạt động bảo vệ các đối tượng, mục tiêu thuộc danh mục Nhà nước
quy định do Công an nhân dân, Quân đội nhân dân có trách nhiệm vũ trang
canh gác, bảo vệ và các trường hợp sử dụng dịch vụ bảo vệ thì không thuộc
phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 2

“1. Nghị định này áp dụng đối với các đối tượng sau:

- Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- Đơn vị sự nghiệp công lập.
- Doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- Các tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến các cơ quan, doanh nghiệp
quy định tại các điểm a, b, c khoản này.

2. Các cơ quan, doanh nghiệp do Công an nhân dân và Quân đội nhân dân
quản lý không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định này.”

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 5

“Điều 5. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ

Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ do Công an cấp tỉnh hoặc cấp tương đương tổ chức và cấp giấy chứng nhận. Lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp được huấn luyện, bồi dưỡng về kiến thức pháp luật, nghiệp vụ bảo vệ, kỹ năng trong việc sử dụng công cụ hỗ trợ, phương tiện thiết bị được trang bị và kỹ năng xử lý các tình huống phục vụ trực tiếp việc thực hiện nhiệm vụ của lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp.”

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung tên Điều và một số điểm, khoản Điều 7

1. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 7 như sau:

“Điều 7. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp, người được giao phụ trách trực tiếp lực lượng bảo vệ, cán bộ, công nhân viên trong cơ quan, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân có liên quan”.

2. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 1 và điểm a khoản 1 như sau:

“1. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp:

a) Chịu trách nhiệm toàn diện về việc đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn tài sản của cơ quan, doanh nghiệp; chỉ đạo xây dựng, tổ chức, kiểm tra thực hiện kế hoạch, nội quy bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp; chỉ đạo lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp tham gia thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội khi có yêu cầu của lực lượng Công an nhân dân; chỉ đạo lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp phối hợp chính quyền địa phương, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và lực lượng bảo vệ của cơ quan, doanh nghiệp có liên quan trong việc triển khai kế hoạch, phương án bảo vệ trong cơ quan, doanh nghiệp hoặc tại địa phương nơi cơ quan, doanh nghiệp đặt trụ sở; xây dựng lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp trong sạch, vững mạnh;”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 4, bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 như sau:

“3. Người được giao phụ trách trực tiếp lực lượng bảo vệ có trách nhiệm tham mưu xây dựng và thực hiện kế hoạch, nội quy bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp; điều phối, phân công ca trực của lực lượng bảo vệ; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự tại cơ quan, doanh nghiệp; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khác do người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp giao.

4. Cán bộ, công nhân viên trong cơ quan, doanh nghiệp có trách nhiệm tham gia xây dựng, giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi cho lực lượng bảo vệ thực hiện nhiệm vụ.

5. Các tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến cơ quan, doanh nghiệp quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 2 của Nghị định này có trách nhiệm chấp hành nội quy, quy chế bảo vệ của cơ quan, doanh nghiệp; phối hợp, tạo

điều kiện để lực lượng bảo vệ của cơ quan, doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm khác theo quy định của Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.”

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung Điều 10

“Điều 10. Nhiệm vụ của lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp

1. Thực hiện các biện pháp nghiệp vụ theo quy định của pháp luật và hướng dẫn nghiệp vụ bảo vệ của lực lượng Công an để phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn những hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm nội quy bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp; kịp thời đề xuất với người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp biện pháp xử lý.

2. Trực tiếp kiểm soát người ra vào cơ quan, doanh nghiệp. Khi xảy ra các vụ việc có liên quan đến an ninh, trật tự và an toàn cơ quan, doanh nghiệp phải tổ chức bảo vệ hiện trường, bảo vệ tài sản của cơ quan, doanh nghiệp, sơ cứu nạn nhân, bắt người phạm tội quả tang và báo ngay cho cơ quan Công an nơi gần nhất.

3. Thực hiện các quy định về công tác phòng cháy, chữa cháy, giữ gìn trật tự công cộng.

4. Làm nòng cốt trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong cơ quan, doanh nghiệp; xây dựng cơ quan, doanh nghiệp an toàn.

5. Phối hợp với Công an xã, phường, đặc khu và lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở nơi cơ quan, doanh nghiệp đóng trong công tác nắm tình hình, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn cơ quan, doanh nghiệp; đề xuất với người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp xây dựng nội quy bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp, kế hoạch, biện pháp phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trong cơ quan, doanh nghiệp.

6. Thực hiện các quy định về quản lý vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ, vật liệu nổ, chất dễ cháy, chất độc hại (nếu có); giúp người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp trong việc phối hợp với cơ quan Công an để quản lý, giáo dục người có tiền án, tiền sự, người chấp hành xong các biện pháp xử lý vi phạm hành chính khác đang làm việc tại cơ quan, doanh nghiệp.

7. Phối hợp với các tổ chức quần chúng trong cơ quan, doanh nghiệp tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhằm nâng cao ý thức cảnh giác cho mọi người; hướng dẫn các tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn trong cơ quan, doanh nghiệp.

8. Thực hiện những nhiệm vụ cụ thể khác để bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp do người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp giao theo đúng quy định của pháp luật.”

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung Điều 11

“Điều 11. Quyền hạn của lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp

1. Kiểm tra, đôn đốc các bộ phận, đơn vị và cán bộ, công nhân viên trong cơ quan, doanh nghiệp thực hiện các quy định của pháp luật về an ninh, trật tự và nội quy bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp.

2. Trong khi làm nhiệm vụ, được kiểm tra giấy tờ, hàng hóa, phương tiện ra vào cơ quan, doanh nghiệp nếu có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc vi phạm nội quy của cơ quan, doanh nghiệp.

3. Tiến hành công tác xác minh những vụ, việc xảy ra ở cơ quan, doanh nghiệp theo thẩm quyền mà người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp giao hoặc theo yêu cầu của cơ quan Công an có thẩm quyền.

4. Từ chối thực hiện các yêu cầu trái pháp luật trong khi thi hành nhiệm vụ bảo vệ và phải báo cáo cơ quan chức năng để xử lý theo quy định của pháp luật.”

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 15 và một số khoản của Điều 15

1. Sửa đổi tên Điều 15 như sau:

“Điều 15. Trang bị đối với lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 như sau:

“1. Lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp được cấp trang phục, trang bị và sử dụng công cụ hỗ trợ, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 15 như sau:

“3. Bộ trưởng Bộ Công an quy định và hướng dẫn cụ thể về trang bị phương tiện và quản lý, sử dụng phương tiện được trang bị đối với lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp theo quy định của Điều này. Việc trang bị, quản lý, sử dụng công cụ hỗ trợ đối với lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.”

4. Bổ sung khoản 4 Điều 15 như sau:

“Trang bị các loại phương tiện đối với lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp: Căn cứ yêu cầu thực tế, người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp quyết định việc trang bị và sử dụng các loại phương tiện, gồm cả phương tiện khoa học - công nghệ hiện đại phục vụ bảo vệ an ninh, trật tự tại cơ quan, doanh nghiệp, bao gồm: Phương tiện quan sát, máy kiểm soát người ra, vào tại cổng trụ sở cơ quan, doanh nghiệp, máy soi, máy bộ đàm, các loại phương tiện khác phù hợp điều kiện thực tế của cơ quan, doanh nghiệp. Trong quá trình thực hiện, cơ quan, doanh nghiệp và lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp phải bảo đảm tuân thủ quy định hiện hành của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật liên quan.”

Điều 8. Thay thế cụm từ “cấp cứu nạn nhân” bằng cụm từ “sơ cứu ban đầu” tại điểm b khoản 1 Điều 10.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 9 năm 2026.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các nhiệm vụ, hợp đồng đã được cơ quan, doanh nghiệp triển khai thực hiện theo Nghị định số 06/2013/NĐ-CP nhưng không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này thì tiếp tục thực hiện cho đến khi kết thúc hợp đồng hoặc hoàn thành nhiệm vụ. Các tổ chức, doanh nghiệp không còn thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định này sau khi hoàn thành các công việc dở dang sẽ thực hiện theo quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2b). *33*

TM. CHÍNH PHỦ
KI. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Phạm Gia Túc